

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 23/6/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2022/TLST-HS, ngày 25/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST - HS ngày 04/5/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/HSST-QĐ, ngày 30/5/2022 Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/HSST-QĐ, ngày 08/6/2022 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Tiến D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Th, xã X, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và con bà Lưu Thị C; có vợ Nguyễn Thị T; có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018);

- Tiền án: + Tại Bản án số 17/2013/HSST ngày 28/2/2013, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện M, thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc phải bồi thường trách nhiệm dân sự 1.550.000 đồng cho bị hại; phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 28/02/2013, bị cáo đã bồi thường trách nhiệm dân sự xong cho bị hại và chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 15/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 06/7/2021 chấp hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

+ Tại Bản án số 10/2016/HSST ngày 11/3/2016, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000

đồng. Ngày 18/8/2016 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 05/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Tại Bản án số 103/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H xử phạt 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự 13.000.000 đồng và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 13/11/2018 chấp hành xong án phí. Ngày 11/5/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T tỉnh B (có mặt).

2. **Hoàng Văn K**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn T và con bà Hoàng Thị Th; có vợ Trần Thị Th; có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2021 đến ngày 26/01/2022 được hủy bỏ biện pháp “Tạm giam” và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại ở địa phương (có mặt).

3. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th và con bà Đỗ Thị Nh; có vợ Nguyễn Thị L; có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005); tiền án: Tại Bản án số 65/2020/HSST ngày 15/7/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/11/2020 chấp hành xong án phí. Ngày 05/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

- Nhân thân: + Tại Bản án số 73/1997/HSST ngày 26/8/1997, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985. Buộc bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại 520.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, truy thu 15.000 đồng (đã được xóa án tích).

+ Ngày 22/6/1999, bị cáo bị bắt đi cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng. Ngày 25/5/2000 chấp hành xong.

+ Tại Bản án số 57/2000/HSST ngày 27/12/2000 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Buộc phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại 18.000 đồng; 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 50.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm. Ngày 28/8/2001, chấp hành xong các quyết định của bản án (đã được xóa án tích).

+ Ngày 18/10/2009, bị cáo đã bị Chủ tịch UBND huyện S, thành phố H ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc số 13950, thời hạn 24 tháng. Ngày 22/9/2011, bị cáo bị Chủ tịch UBND huyện S, thành phố H ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy số 6208, thời hạn 24 tháng.

+ Ngày 23/2/2017, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05, thời hạn 24 tháng. Ngày 12/4/2019 chấp hành xong.

+ Ngày 28/12/2021, bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, thành phố H ra Quyết định khởi tố bị cáo; tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H trong vụ án khác (có mặt).

*. Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Trần Hoàng Hùng C - Luật sư - Công ty luật TNHH Công Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

* Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Phố M, thị trấn H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Kh, xã Th, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Lê Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Lương Đức H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Q, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện S, thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 30/9/2021, tại đoạn đường thuộc phố M, thị trấn H, huyện T, tỉnh B, lực lượng Công an huyện T trong lúc tuần tra đã phát hiện 02 đối tượng gồm Nguyễn Tiến D đang điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, biển

kiểm soát (BKS): 29T4-9613 đi theo hướng từ thị trấn H về phía ngã tư Đ đang dùng chân đẩy xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS: 99F1-419.70 do Hoàng Văn K điều khiển. Lực lượng Công an đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra nhưng D và K không dừng mà tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy. Lực lượng Công an đã tiến hành truy đuổi đến đoạn đường trong khu vực Trung tâm văn hóa L thì bắt giữ được. D và K khai nhận chiếc xe mô tô Honda Lead, BKS: 99F1-419.70 là do D và K vừa trộm cắp được. Lực lượng Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng phạm tội gồm:

- + 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 29T4-9613; số khung 0610FY093845, số máy G3D4E105505.

- + 01 xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS: 99F1-419.70; số khung 7918HY082600, số máy JF79E0115604.

- + 01 thanh kim loại màu đồng hình vuông dùng để phá khóa từ của xe mô tô.

- + 01 tay công phá khóa làm bằng kim loại, phần tay cầm bọc nhựa.

- + 01 mũi văm phá khóa làm bằng kim loại, một đầu nhọn.

- + 01 điện thoại Oppo A74 lắp sim số 0988.234.135.

- + 01 điện thoại Redmi 5 lắp sim số 0377.036.636 và số 0347.579.403.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, D và K khai nhận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên D và K đã rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô. Khoảng 22 giờ ngày 29/9/2021, D sử dụng điện thoại Redmi 5, lắp sim số 0377.036.636 và số 0347.579.403 nhắn tin messenger đến điện thoại Oppo A74, lắp sim số 0988.234.135 của K rủ K đi trộm cắp xe mô tô. K đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 30/9/2021, Dùng đi đến nhà K thì thấy K đang ở nhà một mình. Tại đây, K lấy 01 thanh kim loại màu đồng hình vuông dùng để phá khóa từ của xe mô tô; 01 tay công phá khóa bằng kim loại, phần tay cầm bọc nhựa; 01 mũi văm phá khóa bằng kim loại, một đầu nhọn đưa cho D cầm để đi trộm cắp xe mô tô. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS 29T4-9613 chở D đi đến huyện T, tỉnh B. Khi đi đến đoạn đường trước cửa nhà chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 ở phố M, thị trấn H (lúc này khoảng 12 giờ) thì D và K phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS: 99F1-419.70, số khung 7918HY082600, số máy JF79E0115604 (là xe của chị Th) đang dựng trước cửa nhà, đầu xe hướng vào cửa nhà, đuôi xe hướng ra ngoài đường, không có người trông giữ. Vì vậy, D bảo K quay đầu xe đứng cạnh giới, còn D xuống xe đi đến gần vị trí xe mô tô của chị Th để trộm cắp. Thấy xe khóa cổ, có sử dụng khóa thông minh không mở được khóa điện nên D dùng hai chân đạp mạnh vào tay lái bên trái của xe thì phá được khóa cổ. Sau đó, D dắt chiếc xe mô tô của chị Th ra chỗ K và bảo K ngồi lên xe cầm lái. Còn D điều xe mô tô Yamaha Exciter đi phía sau để đẩy xe. Khi D và K đi được khoảng 50m thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu ở trên.

Ngày 30/9/2021, chị Nguyễn Thị Th đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của D tại thôn T, xã X, huyện S, thành phố H. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn K tại thôn X, xã X, huyện S, thành phố H đã thu giữ được 01 biển kiểm soát số 99D1-312.48 ở gần chậu cây xanh đặt trước cửa nhà K.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS: 99F1-419.70, số khung 7918HY082600, số máy JF79E0115604 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 35.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số 09 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định đối với biển kiểm soát số: 99D1-312.48 và 29T4-9613 là thật hay giả?

Tại bản Kết luận giám định số: 587 ngày 29/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Biển kiểm soát 99D1-312.48 và 29T4-9613 gửi giám định là giả.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS 99F1-419.70. Ngày 18/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Th.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Th đã nhận lại chiếc xe mô tô và không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Ngoài ra, quá trình điều tra, D và K còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2021, với phương thức, thủ đoạn như trên, D và K đã cùng nhau thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô khác, trong đó 03 vụ ở huyện T, tỉnh B và 01 vụ ở huyện Y, tỉnh B. Trong các lần đi trộm cắp xe mô tô ở huyện T, K đều điều khiển xe mô tô Honda Dream màu nâu (không nhớ biển kiểm soát) chở D ngồi phía sau. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 10 giờ ngày 30/8/2021, D đến nhà K rồi cả hai rủ nhau đến huyện T để trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, D và K đi qua khu vực ngã tư D thuộc địa phận thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B thì phát hiện ở trước cửa hàng điện thoại di động T có 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38, số khung 121DY153300, số máy HC12E5152478 của anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1991; trú tại: K, xã T, huyện T, tỉnh B đang dựng ở đó, đầu xe hướng vào cửa quán, đuôi xe hướng ra ngoài đường. Vì vậy, Kính điều khiển xe chở D đi đến trước cửa hàng điện thoại rồi dừng lại để D trộm cắp xe, còn Kính đi lên phía trước cách cửa

hàng điện thoại khoảng 15m cạnh giới. Khi D đến gần vị trí chiếc xe mô tô trên thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa nên D ngồi lên xe, mở khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe đi về nhà K. Trên đường về, K gọi điện cho Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện S, thành phố H bảo “*vừa trộm cắp được 01 xe mô tô Wave trắng ở T, B, do chủ xe quên không rút chìa khóa*” và hỏi Văn D có mua xe không. Văn D nói không có tiền. Vì vậy, K nhờ Văn D bán hộ xe. Văn D đồng ý bảo K và Tiến D mang xe đến quán Trà chanh ở thôn X, xã X, huyện S, thành phố H. Tại đây, K và Tiến D nói rõ cho Văn D biết việc vừa trộm cắp được chiếc xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38 ở huyện T, tỉnh B và nhờ Văn D bán hộ. Văn D đồng ý. Sau đó, Tiến D và K giao xe mô tô trên cho Văn D đi bán rồi K và Tiến D đi về nhà K. Một lúc sau, Văn D đến nhà Knói đã bán được xe mô tô với giá 3.000.000 đồng rồi đưa tiền cho K. Tiến D và K chia nhau mỗi người được 1.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D đã khai nhận về việc Tiến D và Knhờ Văn D bán hộ 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38 mà Tiến D và K trộm cắp được ở huyện T, tỉnh B ngày 30/8/2021 như Tiến D và K đã khai nhận ở trên. Ngoài ra, Văn D còn khai nhận: Ngày 30/8/2021, Văn D sử dụng điện thoại (lâu ngày không nhớ sử dụng điện thoại và sim số nào) liên lạc với K để bán hộ xe mô tô trộm cắp. Chiếc xe trên Văn D đã bán cho T (khoảng 34 tuổi, ở huyện M, thành phố H, là bạn bè quen biết xã hội) với giá 3.000.000 đồng tại gần quán Trà chanh nơi K và Tiến D giao xe. Sau khi bán được xe, Văn D đã đưa cho K 3.000.000 đồng, không được hưởng lợi gì.

Ngày 01/10/2021, anh Nguyễn Trí T đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 34 ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS:99F1-172.38, số khung 121DY153300, số máy HC12E5152478 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 8.000.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave, màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38. Quá trình điều tra xác định do Văn D bán cho một người đàn ông tên T (không rõ họ tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể ở đâu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để xác minh và không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Trí T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai:

Khoảng 09 giờ một ngày đầu tháng 9/2021, D đến nhà K rồi cùng nhau đi đến huyện T để trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, K và D đi đến

ngã tư Đ rồi rẽ phải đi về hướng H. Khi đi được một đoạn khoảng 03km thì D và K phát hiện phía bên trái theo hướng đi có 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu (không nhớ biển kiểm soát) đang dừng ở trước cửa quán Trà Tranh 1900 thuộc địa phận thôn T, xã G, huyện T, tỉnh B do anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B làm chủ, đầu xe hướng về cửa quán, đuôi xe quay hướng ra ngoài đường. Vì vậy, K điều khiển xe mô tô chở D đến cửa quán rồi đỗ xe lại. Sau đó D xuống xe đi đến vị trí chiếc xe Dream và sử dụng 01 tay công, 01 mũi vạm phá được khóa xe rồi ngồi lên xe nổ máy đi về nhà K. Sau đó, Kinh điều khiển xe mô tô Dream vừa trộm cắp được đến nhà Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1979 ở cùng thôn với K nhờ Tr bán hộ. Tr đồng ý và nói “xe này chỉ bán được 4.500.000 đồng”. K đồng ý và nhận 4.500.000 đồng rồi đi về nhà chia cho D 2.250.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Còn Tr điều khiển xe mô tô trên đi bán cho ai thì K không biết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra thông báo tìm người bị hại nhưng đến nay chưa xác định được bị hại.

Vụ thứ ba:

Khoảng 11 giờ ngày 11/9/2021, D đến nhà Kinh rồi cả hai rủ nhau đến huyện T trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, D và K đi đến đường A thuộc địa phận thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh B thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 99F1-197.15, số khung 8028Y108461, số máy HA08E1129655 của ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1975; trú tại: Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh B đang dừng ở trước cửa xưởng may ở bên phải đường theo hướng đi. Vì vậy, K điều khiển xe mô tô chở D đi vào đầu ngõ cạnh xưởng may rồi dừng xe lại để D trộm cắp xe, còn K đứng canh giới. D đi đến gần vị trí chiếc xe, ngồi lên xe mô tô, dùng tay công, mũi vạm phá được khóa xe rồi nổ máy điều khiển xe đi về nhà K. Sau đó, K điều khiển xe mô tô trên đến nhà Nguyễn Ngọc Tr bán cho Tr được 4.500.000 đồng. Số tiền bán xe có được, D và K chia nhau mỗi người được 2.250.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/10/2021, ông Nguyễn Đình D đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 03/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 99F1-197.15, số khung 8028Y108461, số máy HA08E1129655 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 11.000.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô Honda Dream, BKS: 99F1-197.15. hiện Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đình D yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ tư:

Khoảng 21 giờ ngày 24/9/2021, khi K đang ở nhà thì Nguyễn Ngọc Tr gọi điện cho K rủ K đi trộm cắp xe mô tô cùng Tr và Nguyễn Hữu H, sinh năm 2001 ở cùng thôn với K. K đồng ý và gọi điện rủ Nguyễn Tiến D đi cùng. Sau đó D đến nhà K, rồi cả hai đi bộ đến nhà Tr thì gặp Tr và H. Tại đây, Tr nói “Trời mưa thì đi trộm cắp tại huyện Y, tỉnh B”. Cả bọn đồng ý. Trước khi đi, Tr đưa cho D 01 tay công, 01 mũi văm phá khóa của Tr, còn Tr cầm 01 kim thủy lực màu đen, dài khoảng 30cm. Khi đi, H điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter (không rõ biển kiểm soát) chở Tr, K điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ (không rõ biển kiểm soát) chở D. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/9/2021, nhóm của K đi đến đoạn đầu thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh B thì dừng xe lại. Sau đó, Tr cầm kim thủy lực cùng D đi bộ vào trong ngõ thì phát hiện nhà anh Lương Đức H, sinh năm 1996 có cửa cổng làm bằng tôn. Thấy vậy, D bảo Tr cắt khóa cổng nhưng Tr không cắt mà đưa kim thủy lực cho D cắt hai khóa cổng (gồm khóa chữ U và khóa Việt Tiệp). Sau khi cắt khóa xong, D đưa khóa cổng và kim thủy lực cho Tr cầm rồi mở cửa đi vào trong sân nhà anh H thì phát hiện có 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 99D1- 237.59, số khung 0610FY093845, số máy G3D4E105505 (là xe của anh H) đang dựng ở sân, đầu xe hướng vào phía cửa. Thấy xe không khóa cổ, không khóa càng nên D dắt chiếc xe trên ra ngoài ngõ, rồi lấy bộ văm phá khóa ở túi quần bên phải ra mở ổ khóa điện và bảo Tr ngồi lên xe. Sau đó, D quay lại đi vào sâu trong sân thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 36B2-294.06, số khung 0807AY249743, số máy HA08E1549634 (là xe của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Tr, xã Q, thành phố T, tỉnh T thuê trọ tại nhà anh H) đang dựng ở khu vực dãy nhà trọ, đầu xe hướng vào tường. Thấy xe không khóa cổ, không khóa càng nên Tiến D dắt chiếc xe ra ngoài cổng, rồi dùng văm phá khóa mở ổ khóa điện, ngồi lên xe nổ máy cùng Tr, H và K đi về để hai xe mô tô vừa trộm cắp được ở nhà Tr. Sau đó, K trả xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ (không rõ biển kiểm soát) cho Tr rồi cùng D đi bộ về nhà K. Khi về, K và D nói chuyện với nhau về việc K sẽ lấy xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 36B2-29406 và D sẽ lấy xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 99D1-237.59 để làm phương tiện đi lại. Vì vậy, ngày hôm sau, K và D đi bộ đến nhà Tr bảo Tr để lại cho K và D hai xe mô tô trên. Tr đồng ý. Khi về đến gần nhà, D đã tháo BKS: 99D1- 237.59 của xe Yamaha Exciter vút vào sọt rác ở đường rồi về nhà lắp biển số xe 29T4-9613 (trước đó D nhặt được ở đường nhưng không nhớ ở vị trí nào) để tránh bị phát hiện. Đến buổi sáng ngày 28/9/2021, do không có tiền tiêu xài nên D mang chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, gắn BKS: 29T4-9613 đến nhà K bảo K đem đi bán. Sau đó, K không bán chiếc xe trên mà mang xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS 36B2-294.06 đến nhà Tr bán cho Tr được 6.000.000 đồng. K đưa cho D 3.600.000 đồng, số còn lại K giữ và đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, D và K khai: Việc Trang và Hùng đồng ý để K và D lấy 02 xe mô tô nêu trên là để trừ nợ, do trước đó Tr có vay tiền của K và D. Còn H là bạn ở cùng thôn với Tr và K nên đồng ý đi trộm cắp cùng nhưng không đòi hỏi quyền lợi gì.

Ngày 28/11/2021, anh Lương Đức H và anh Nguyễn Văn Q đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46 ngày 07/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

+ 01 chiếc mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 99D1-237.59, số khung 0610FY093845, số máy G3D4E105505 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 24.000.000 đồng;

+ 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 36B2-294.06, số khung 0807AY249743, số máy HA08E1549634 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 16.000.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 99D1-237.59. Ngày 30/9/2021, Tiến D và K sử dụng chiếc xe trên gắn BKS: 29T4-9613 làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản ở huyện T và đã bị thu giữ. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Lương Đức H.

Đối với 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 36B2-294.06 hiện Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lương Đức Hùng đã nhận lại chiếc xe mô tô, chiếc xe bị mất biển kiểm soát nhưng anh Hùng không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, các bị can Nguyễn Tiến D, Hoàng Văn K và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSTT, ngày 25/3/2022 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Hoàng Văn K tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn D tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K

phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Văn D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ điểm c,g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 30/9/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 30/9/2021 đến ngày 26/01/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 08 tháng đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Dũng và Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Trí T 8.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn D 11.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Q 16.000.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T 4.000.000 đồng, ông D 5.500.000 đồng và anh Q 8.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 02 biển kiểm soát 99D1-312.48 và 29T4-9613, 01 thanh kim loại màu đồng hình vuông, 01 tay công phá khóa làm bằng kim loại (phần tay cầm bọc nhựa và 01 mũi văm phá khóa làm bằng kim loại và một đầu nhọn), sim số 0988.234.135, 0377.036.636 và 0347.579.403. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo A74 và 01 điện thoại Redmi 5. Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng do chị Thơm là vợ bị cáo K giao nộp thay bị cáo K để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo K đã bồi thường xong cho bị hại nên bị cáo Kính không phải chịu án phí DSST. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D chưa bồi thường gì cho bị hại nên bị cáo phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*** Luật sư C tranh luận:**

- Về tội danh: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo K về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự

- Tình tiết giảm nhẹ: Đồng ý với quan điểm vị Đại diện viện Kiểm sát áp dụng cho bị cáo K tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại điểm b (do đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng), thành khẩn khai báo quy định tại điểm s và tự thú quy định tại điểm r Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tuy nhiên có một số nội dung không đồng ý với quan điểm của Vị đại diện viện kiểm sát:

Về hình phạt: Vị Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự và đề xuất Hội đồng xét xử mức án tù từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù đối với bị cáo K là có phần quá nghiêm khắc vì:

- Xét vai trò của K trong vụ án: Trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thể hiện ngoài vụ trộm cắp bị bắt quả tang ngày 30/9/2021 các bị cáo khai nhận thêm 04 vụ trộm cắp khác trong đó có 03 vụ Nguyễn Tiến D và K cùng nhau trộm cắp thì D là người rủ rê và đến nhà K rồi cùng đi ăn trộm. Quá trình trộm cắp thì D cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi. Vì vậy, K không phải vai trò chủ mưu, cầm đầu trong vụ án, K chỉ tham gia với vai trò đồng phạm.

- Khắc phục hậu quả: Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 94 triệu đồng. Trong đó chiếc xe Lead trị giá 35.000.000 đồng đã trả lại cho chủ xe là chị Nguyễn Thị Th. Chiếc xe Exciter trị giá 24.000.000 đồng đã được trả lại cho chủ xe là anh Lương Đức H. Còn lại 03 chiếc xe của anh T, ông D, anh Q: Chưa thu hồi được có giá trị tổng là 35.000.000 đồng, trong khi bị cáo K đã chủ động khắc phục số tiền 20.000.000 đồng.

- Nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo K chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự gồm: Là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả quy định tại điểm b; người phạm tội tự thú quy định tại điểm r; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn hối cải quy định tại điểm s. Đề nghị HĐXX xét đến tình trạng sức khỏe của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì các căn cứ nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên xử bị cáo K hình phạt dưới mức thấp nhất mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

*** Đại diện VKS tranh luận, đối đáp với bài bào chữa của luật sư C:**

Thứ nhất: Xét về vai trò của bị cáo trong vụ án thì thấy:

Ngày 30/9/2021 bị cáo Tiến D là người rủ bị cáo K đi trộm cắp, nhưng trước đó ngày 24/9/2021, sau khi bị cáo được đối tượng Tr rủ đi trộm cắp tài sản thì bị cáo K là người trực tiếp gọi điện rủ bị cáo Tiến D đi trộm cắp; ngày 11/9/2021, đầu tháng 9/2021 và 30/8/2021 bị cáo K và bị cáo D cùng rủ nhau đi trộm cắp.

Quá trình thực hiện hành vi, bị cáo Tiến D là người trực tiếp trộm cắp xe mô tô thì bị cáo K lại là người trực tiếp mang xe mô tô đi bán 04 vụ điều tra làm rõ thì 02 vụ bị cáo K trực tiếp mang xe đi tiêu thụ; 01 vụ chưa xác định được bị hại thì bị cáo cũng trực tiếp mang xe đi tiêu thụ. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo và bị cáo Tiến D đều có vai trò tích cực ngang.

Như vậy, người bào chữa cho rằng bị cáo có vai trò đồng phạm, giúp sức, thứ yếu hơn bị cáo D là không phù hợp.

Thứ hai: Do bị cáo K đã tác động gia đình khắc phục số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại nên đại diện VKS đã đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo

Thứ ba: Tại Điều 54 BLHS quy định Tòa án “**có thể**” chứ không “**bắt buộc**” phải quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với người phạm tội. Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo thì HĐXX cần đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Trong vụ án này, mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thì thấy: Chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo cùng bị có Tiến D thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản (chiếm đoạt 06 chiếc xe, trong đó có 04 vụ/05 chiếc xe đã xác minh làm rõ). Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu vào ban ngày (04 vụ), có 01 vụ thực hiện hành vi phạm tội vào ban đêm, các bị cáo đã cắt phá khóa cổng đột nhập vào nhà dân để trộm cắp tài sản. Điều đó thể hiện manh động, liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật rất cao của bị cáo và bị cáo D.

Từ những phân tích trên, nhận thấy mức hình phạt mà VKS đề nghị đối với bị cáo K là phù hợp và không áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo. Vì vậy, Đại diện VKS vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đưa ra đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét và quyết định.

Luật sư C đề nghị HĐXX xem xét và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo K nhất trí với bài bào chữa của Luật sư C và không có ý kiến gì.

Bị cáo Tiến D, Văn D và chị Th nhất trí với Luận tội của Đại diện VKS không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại là chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Đình D, anh Lương Đức H và anh Nguyễn Văn Q đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng chị Th, anh T, ông D, anh H và anh Q đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị Th, anh T, ông D, anh H và anh Q không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh T, ông D, anh H và anh Q là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến D, Hoàng Văn K và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/8/2021 đến ngày 30/9/2021, Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô đã xác định được người bị hại. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/8/2021, D và K trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38 trị giá 8.000.000 đồng của anh Nguyễn Trí T tại cửa hàng điện thoại di động Toàn Cầu ở thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B. Sau đó, D và K đã đem chiếc xe mô tô trên đến nhờ Nguyễn Văn D bán hộ được 3.000.000 đồng. Nguyễn Văn D biết rõ chiếc đó là do D và K trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý bán xe hộ.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 11/9/2021, D và K trộm cắp 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 99F1-197.15 trị giá 11.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình D trú tại thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/9/2021, D và K cùng hai đồng phạm khác là T, H đều trú tại thôn X, xã X, huyện S, thành phố H trộm cắp 02 xe mô tô tại nhà anh Lương Đức H ở thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh B. Trong đó 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 99D1-237.59 trị giá 24.000.000 đồng của anh Lương Đức H và 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS: 36B2-294.06 trị giá 16.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Q.

Vụ thứ tư: Ngày 30/9/2021, D và K trộm cắp 01 xe mô tô Honda Lead màu vàng nâu, BKS 99F1-419.70 trị giá 35.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th tại đoạn đường thuộc phố Mới, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K trộm cắp là 94.000.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi được 02 chiếc xe và đã trả lại cho anh H và chị Th, còn 03 chiếc xe gồm của anh Tân, ông D và anh Q hiện chưa thu hồi được.

Xét hành vi và giá trị tài sản đã chiếm đoạt trên của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Tiến D tại Bản án số 103/2018/HS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng số 22/CT-VKSTT, ngày 25/3/2022 của VKSND huyện T đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội danh và điều luật.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ vi phạm của bị cáo Tiến D và K thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bởi vì, bị cáo Tiến D, K đều rủ nhau đi trộm cắp tài sản, nhưng không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Trong vụ án này D là người khởi sự, người thực hành và là người cảnh giới; bị cáo K chuẩn bị công cụ, phương tiện, người thực hành và là người mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Vì vậy, đối với bị cáo D và K được xác định có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D và Nguyễn Văn D g đều có tiền án nên các bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo K không có tiền án, tiền sự nên bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt.

Xét về các tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K từ ngày 30/8/2021 đến ngày 30/9/2021 đã liên tiếp thực hiện 04 hành vi trộm cắp mà mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản nên bị cáo Tiến D và K phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình

sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, tính đến ngày phạm tội mới là ngày 30/8/2021 bị cáo chưa được xóa án tích của Bản án số: 65/2020/HSST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Tiến D và K nhận thức đầy đủ hành vi trộm cắp là trái pháp luật, nhưng chỉ vì lười lao động và để có tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Đối với bị cáo Văn D thức đầy đủ hành vi giúp bị cáo K tiêu thụ tài sản do trộm cắp là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn giúp K. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K khi bị bắt đã tự khai ra 04 hành vi trộm cắp khác khi chưa bị phát hiện nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo Kính đã tác động gia đình nộp 20.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, bị cáo Tiến D và bị cáo K còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Văn D còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra bị cáo Tiến D và bị cáo K còn khai nhận ngoài 04 vụ trộm cắp tài sản nêu trên đã xác định được bị hại thì còn 01 vụ án (vụ thứ hai) chưa xác định được bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách các tài liệu liên quan đến vụ án ra. Khi nào xác định được bị hại sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với đối tượng Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1979 và Nguyễn Hữu H, sinh năm 2001; đều cư trú tại: Thôn X, xã X, huyện S, thành phố H. Theo lời khai của bị cáo Tiến D và K thì T là người cùng D và K thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản; H là người cùng D và K thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã nhiều lần triệu tập làm việc nhưng Tr và H không đến. Quá trình xác minh đã xác định Tr và H đều không có mặt ở địa phương. Căn cứ lời khai của tiến D và K thì chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố bị can đối với Tr và H. Vì

vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách các tài liệu liên quan đến Tr, H ra. Khi nào đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với đối tượng tên T, theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn D là người mua chiếc xe mô tô Honda Wave màu trắng đen, BKS: 99F1-172.38. Quá trình điều tra xác định do Văn D không biết họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của Tuấn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xác minh làm rõ nên HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu (không nhớ biển kiểm soát) mà bị cáo K và Tiến D sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, bị cáo Kính khai là mượn của bạn bè quen biết ngoài xã hội. Do bị cáo Kính thường hay mượn xe Dream của nhiều người để đi lại nên K không nhớ mượn của ai. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xác minh nên HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc biển kiểm soát 99D1- 237.59 của chiếc xe Yamaha Exciter (xe của anh H), T đã vứt ở thùng rác tại thôn T, xã X, huyện S, thành phố H. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo Nguyễn Văn D đã sử dụng để liên lạc khi đi bán xe hộ bị cáo K và Tiến D. Do D không nhớ là sử dụng chiếc điện thoại nào và đã làm rơi mất nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị Th do bị cáo Tiến D và bị cáo K đã chiếm đoạt; xét thấy, chị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Đối với chiếc xe mô tô của anh H do bị cáo Tiến D và bị cáo K đã chiếm đoạt và đối với khóa cổng nhà anh H đã các bị cáo phá để vào trộm cắp tài sản; xét thấy, anh H đã nhận lại chiếc xe bị mất biển kiểm soát và đối với khóa cổng anh Hùng xác định có giá trị thấp nên anh H không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

- Đối với những chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Đình D và anh Nguyễn Văn Q mà bị cáo Tiến D và K đã chiếm đoạt. Anh T, ông D và anh Q chưa nhận được tài sản nên anh T, ông D và anh Q đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Tân trị giá 8.000.000 đồng, chiếc xe mô tô của ông D trị giá 11.000.000 đồng và chiếc xe mô tô của anh Q trị giá 16.000.000

đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh T 8.000.000 đồng, ông Đ 11.000.000 đồng và anh Q 16.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng chị Trần Thị Th là vợ bị cáo K đã nộp thay bị cáo K ở tại CQĐT Công an huyện T để bồi thường cho bị hại; xét thấy, chị Th không yêu cầu bị cáo K phải trả lại nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối biên kiểm soát 99D1-312.48 (thu ở nhà K) và biên kiểm soát 29T4-9613 D gắn ở chiếc xe Yamaha Exciter trộm cắp được của anh H); xét thấy, hai biên kiểm soát trên là giả, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 thanh kim loại màu đồng hình vuông dùng để phá khóa từ của xe mô tô; 01 tay công phá khóa làm bằng kim loại, phần tay cầm bọc nhựa và 01 mũi văm phá khóa làm bằng kim loại, một đầu nhọn; xét thấy, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để trộm cắp, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối 01 điện thoại Oppo A74 CQĐT thu được của K và 01 điện thoại Redmi 5 CQĐT thu được của bị cáo D; xét thấy, đây là những chiếc điện thoại các bị cáo đã sử dụng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối sim số 0988.234.135 lắp ở điện thoại Oppo A74 của bị cáo K và sim số 0377.036.636 và 0347.579.403 lắp ở điện thoại Redmi 5 của bị cáo D; xét thấy, sim số điện thoại trên các bị cáo đã sử dụng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 20.000.000 đồng chị Th là vợ bị cáo K đã nộp tại CQĐT Công an huyện T thay bị cáo K bồi thường cho bị hại; xét thấy, số tiền trên được xác định là tiền của bị cáo nộp khắc phục hậu quả nên được khấu trừ thi hành án.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST. Đối với bị cáo Kính đã bồi thường xong cho bị hại nên bị cáo Kính không phải chịu án phí DSST. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D chưa bồi thường gì cho bị hại nên bị cáo phải án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Văn D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 54 (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 30/9/2021. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 30/9/2021 đến ngày 26/01/2022.

* Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến D và Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Trí T 8.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn D 11.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Q 16.000.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Tân 4.000.000 đồng, ông D 5.500.000 đồng và anh Q 8.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Kính đã nộp số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Trả lại bị cáo K số tiền còn lại sau khi khấu trừ thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

*. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 02 biển kiểm soát 99D1-312.48 và 29T4-9613, 01 thanh kim loại màu đồng hình vuông, 01 tay công phá khóa làm bằng kim loại (phần tay cầm bọc nhựa và 01 mũi vam phá khóa làm bằng kim loại và một đầu nhọn), sim số 0988.234.135, 0377.036.636 và 0347.579.403. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo A74 và 01 điện thoại Redmi 5 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2022 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến D, Hoàng Văn K và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến D phải chịu 875.000 đồng án phí DSST.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Trại tạm giam Công an tỉnh B.
- Bị cáo.
- Người bào chữa.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà